TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH THỪA THIÊN H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **58**/2023/HNGĐ-ST Ngày: 15/6/2023 V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bích Thủy;

2. Bà Trần Thị Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Trường Thi.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H (Số 60 đường NH, phường VN, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 306/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1991; Địa chỉ: 4/78 TV, HB, phường TA, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H, có mặt.
- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1993; Địa chỉ: 11/37 TB, HB, phường TA, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/02/2023, bản tự khai ngày 17/5/2023 của chị Trần Thị T và bản tự khai của anh Nguyễn Văn H ngày 13 tháng 5 năm 2023 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của chị Trần Thị T tại phiên tòa đã xác định như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn H tự nguyện kết hôn, đăng ký ngày 16/5/2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn TA, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại nhà bố mẹ anh H ở 11/37 TB, HB, TA, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên

H. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được 07 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, nên hay cãi vã nhau. Anh Nguyễn Văn H không chịu làm ăn, nhiều lần gây gổ, chửi bới và đánh đập chị T. Vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm, hiện nay chị T đã về nhà mẹ đẻ để ở, không ai quan tâm đến nhau. Vì vậy nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T gửi đơn xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về phía bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Về thời điểm vợ chồng chung sống và đăng ký kết hôn như lời chị T trình bày. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do anh H lâm vào tình trạng nợ nần, bản thân anh H không có việc làm nên gia đình chị T chửi bới nói xấu anh H, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị T xin ly hôn thì anh H cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn H xác nhận, vợ chồng có một con chung tên là Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 29/8/2014. Hiện nay con chung đang ở với chị T. Khi ly hôn anh H, chị T thỏa thuận giao cháu Nguyễn Ngọc Kim N cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản và nợ chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã gửi giấy triệu tập cũng như Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vào ngày 24/5/2023 cho nguyên đơn, bị đơn tuy nhiên anh H vắng mặt và có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 15/6/2023.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại các Điều 28; 35; 39; 68; các Điều 93,94,95,96 và Điều 97; Điều 195; 196 và Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc xác định tư cách tham gia tố tụng, việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ, trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho các đương sự.

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đảm bảo, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật của đương sự:

+ Đối với nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Đối với bị đơn, vắng mặt tất cả các phiên hòa giải là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

- Về quan hệ hôn nhận: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử Giao cháu Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 29/8/2014 cho chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên (Đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn H trình bày chị và anh H chung sống không có tài sản chung, không có nợ của ai nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn H đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn H xác nhận chung sống với nhau, đã thực hiện đầy đủ các thủ tục về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam, nên được công nhận hôn nhân hợp pháp.

Xét về yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị T, thấy rằng: Theo kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ, lời khai của chị T, anh H, quá trình Tòa án điều tra, xác minh thu thập chứng cứ , để có cơ sở xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, nên vợ chồng hay gây gỗ nhau, bản thân anh H lâm vào tình trạng nợ nần, không có việc làm. Thực tế vợ chồng đã ly thân nhau, chị T đã về nhà mẹ đẻ ở, không ai quan tâm đến ai. Tòa án đã gửi thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải để mục đích hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng annh H không đến Tòa án và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bản thân anh H cũng muốn ly hôn với chị T khi hòa giải anh cũng không có mặt. Nhận thấy vợ chồng chị T, anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H là phù hợp pháp luật.

[3] Về việc nuôi con chung và tiền cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu

khởi kiện, chị T và anh H cũng thỏa thuận giao con chung tên là Nguyễn Ngọc Kim N cho chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N. Vì vậy Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận: giao cháu Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 29/8/2014 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên, đủ 18 tuổi cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N. Về tiền cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về Tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn là chị Trần Thị T.

-Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H; quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Xử giao cháu Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 29/8/2014 cho chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên, đủ 18 tuổi cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N. Về tiền cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về Tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số:

AA/2021/0005826 ngày 17 tháng 04 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H; chị T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Thừa Thiên H;
- VKSND thành phố H;
- Chi Cục THADS thành phố H;
- UBND phường TA,TP H;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA;
- Lưu dán án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hương Lan